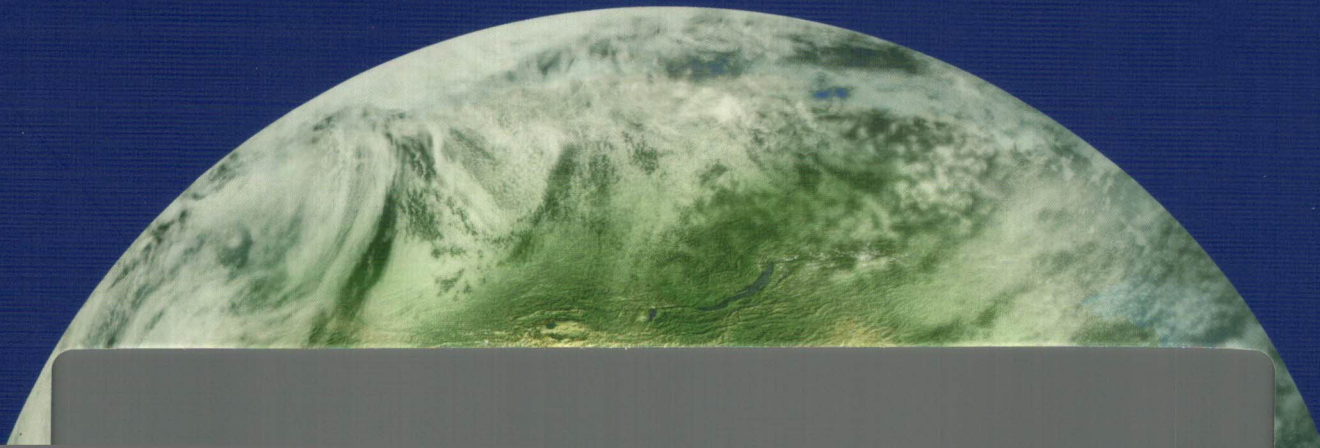


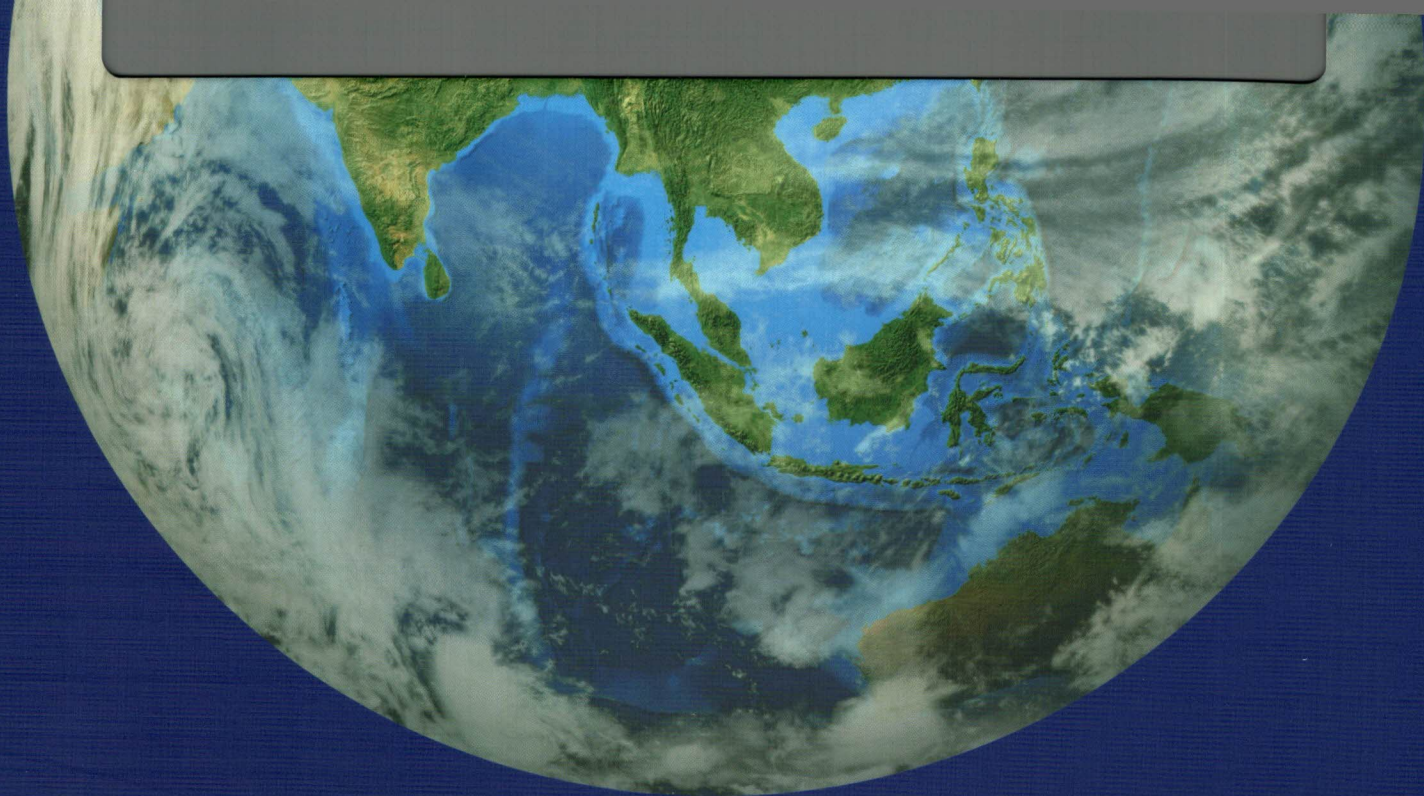
EPA VIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision







Local Expertise
International Presence





Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

 +84 (24) 3 783 2121
 +84 (24) 3 783 2122

 info@cpvietnam.vn
 www.cpvietnam.vn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 23/11/1995.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/02/2007, đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thay đổi các lần và lần thứ 07 ngày 29/3/2023.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 29/3/2023 là: 438.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng*).

Trụ sở chính: Số 15 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, phường Kim Liên, TP. Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán VEC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Hải Vĩnh	Thành viên
Ông Phạm Nguyên Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/4/2025)
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10/4/2025)

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Hoài Anh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Phạm Trung Hoàng	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Vũ Hải Vĩnh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Nguyên Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Giáp Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Việt Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 09/4/2025)

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các Chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Phạm Nguyễn Anh
Phó Tổng Giám đốc

(Giấy ủy quyền số 207/UQ/ĐT-VP ngày 07/5/2025)
Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Số: 380/2025/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam được lập ngày 27/8/2025, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/6/2025, Tổng Công ty và các Công ty con của Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị cần trích lập dự phòng của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, phải thu khó đòi với tổng số tiền khoảng 50 tỷ VND. Với những tài liệu Tổng Công ty cung cấp, chúng tôi chưa thể ước tính được số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập (nếu có). Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 30/6/2025, Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công trình “Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị, vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành hệ thống thải tro xỉ Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2” số tiền 2,69 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 2,69 tỷ VND). Với những tài liệu Tổng Công ty cung cấp, chúng tôi chưa thể ước tính được số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập (nếu có). Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.14 - Đầu tư tài chính dài hạn, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, khoản đầu tư vào Công ty liên kết “Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc” đánh giá theo giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính tại ngày 30/6/2025. Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết “Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông”, “Công ty Cổ phần Viettronimex”, “Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa”, “Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam”, “Công ty TNHH DM Vina” do không thu thập được Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025, Tổng Công ty đánh giá theo giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính của các Công ty này tại ngày 31/12/2024.

Tại Công ty con là “Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức” Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 chưa được soát xét. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán với ý kiến kiểm toán ngoại trừ do Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng các khoản công nợ phải thu quá hạn số tiền 13,34 tỷ VND; chưa thực hiện trích lập dự phòng tồn kho một số mặt hàng lỗi thời và chậm luân chuyển tổng giá trị là 18,63 tỷ VND; không đưa ra ý kiến về số dư đầu kỳ khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước”; chưa thực hiện trích khấu hao cho một số tài sản cố định ngừng hoạt động đến ngày 31/12/2024 là 4,57 tỷ VND. Do đó Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 7.3 - Thông tin so sánh, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty đã quyết định trình bày lại một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 do trình bày lại một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

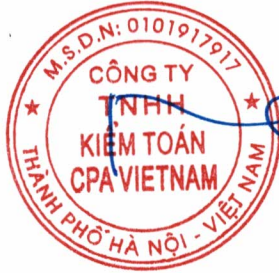
Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được kiểm toán viên khác soát xét; kiểm toán viên này đưa ra Báo cáo soát xét vào ngày 29 tháng 8 năm 2024 có dạng kết luận ngoại trừ về các vấn đề sau:

- Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với khoản nợ phải thu khách hàng đã quá hạn là 47,2 tỷ VND.
- Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá lãi/lỗ tiềm tàng của Công trình “Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị, vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành Hệ thống thải tro xỉ Dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với chi phí sản xuất dở dang số tiền 2,69 tỷ VND.
- Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 của “Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức” chưa được soát xét. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán với ý kiến kiểm toán ngoại trừ do Công ty chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận cho các khoản công nợ, chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá một số hàng tồn kho chậm luân chuyển, chưa thực hiện khấu hao cho một số tài sản cố định và phân bổ công cụ dụng cụ được chuyển về từ Công ty TNHH Công nghệ LED Ánh sáng mới trong kỳ 2015.
- Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 của “Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp” chưa được soát xét. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán với ý kiến kiểm toán ngoại trừ do Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị trích lập dự phòng của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, phải thu khó đòi.

- Tổng Công ty chỉ thu thập được Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 của “Công ty TNHH DM Vina”, do đó khoản đầu tư vào Công ty liên kết “Công ty TNHH DM Vina” đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 30/6/2024. Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết khác, do không thu thập được Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024, Tổng Công ty đánh giá theo giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính của các Công ty này tại ngày 31/12/2023.
- Khoản đầu tư vào “Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1” được trình bày theo giá gốc do Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính.

Các vấn đề ngoại trừ nêu trên vẫn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ/CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		518.722.873.576	508.803.291.524
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	109.300.837.047	101.678.180.741
1. Tiền	111		34.226.337.047	34.118.348.682
2. Các khoản tương đương tiền	112		75.074.500.000	67.559.832.059
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		127.107.301.286	126.507.301.286
1. Chứng khoán kinh doanh	121		287.396.250	287.396.250
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(85.094.964)	(85.094.964)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	126.905.000.000	126.305.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		192.465.157.440	187.800.932.934
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	142.935.095.337	139.118.816.565
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	35.280.015.920	37.879.934.634
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	11.600.000.000	12.100.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	43.525.857.549	39.202.311.107
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(41.025.525.817)	(40.649.843.823)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		149.714.451	149.714.451
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	83.733.027.384	86.450.771.143
1. Hàng tồn kho	141		92.473.207.181	95.192.503.514
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.740.179.797)	(8.741.732.371)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.116.550.419	6.366.105.420
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	5.118.604.195	4.883.856.410
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		377.117.811	793.482.819
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.17	620.828.413	688.766.191
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		234.003.111.745	237.278.082.177
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.351.192.740	18.351.192.740
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	18.215.447.540	18.215.447.540
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	135.745.200	135.745.200
II. Tài sản cố định	220		109.923.018.083	113.677.950.123
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	75.512.279.424	78.943.369.438
- Nguyên giá	222		237.161.054.664	237.468.485.755
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(161.648.775.240)	(158.525.116.317)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	34.410.738.659	34.734.580.685
- Nguyên giá	228		46.104.084.706	46.104.084.706
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.693.346.047)	(11.369.504.021)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	9.208.197.307	9.616.450.537
1. Nguyên giá	231		41.120.042.125	41.120.042.125
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(31.911.844.818)	(31.503.591.588)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.477.720.942	18.477.720.942
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	18.477.720.942	18.477.720.942
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.14	69.483.972.230	69.306.411.992
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		71.283.972.230	71.106.411.992
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.559.010.443	7.848.355.843
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	7.282.010.157	6.627.133.525
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.277.000.286	1.221.222.318
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		752.725.985.321	746.081.373.701

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		204.745.126.997	195.364.204.051
I. Nợ ngắn hạn	310		118.211.514.677	113.763.634.855
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	56.485.562.764	53.859.947.294
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	23.464.328.180	21.367.886.258
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	9.633.305.758	2.491.646.859
4. Phải trả người lao động	314		7.332.621.691	9.641.614.247
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	4.688.815.570	4.078.591.776
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	1.642.227.593
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		550.850.000	573.537.500
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	11.846.982.123	13.583.546.719
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	665.000.000	3.519.779.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		972.607.356	988.182.356
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.571.441.235	2.016.675.253
II. Nợ dài hạn	330		86.533.612.320	81.600.569.196
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.18	14.941.127.345	12.962.237.505
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	38.446.194.041	37.396.424.091
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		33.146.290.934	31.241.907.600
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		547.980.858.324	550.717.169.650
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.21	547.980.858.324	550.717.169.650
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(13.064.948.729)	(13.064.952.951)
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	416		(19.974.146.692)	(19.974.146.692)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		53.234.868.452	53.234.868.452
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.619.705	26.619.705
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(45.571.283.770)	(41.533.795.260)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(42.534.262.810)	(35.260.159.132)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.037.020.960)	(6.273.636.128)
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		135.329.749.358	134.028.576.396
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		752.725.985.321	746.081.373.701

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu/Phụ trách Kế toán



Vũ Văn Tuấn

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Nguyên Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2025 VND	kết thúc ngày 30/6/2024 VND (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	161.518.368.760	113.666.889.290
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	110.350.047	58.962.384
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	161.408.018.713	113.607.926.906
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	102.963.712.851	63.195.918.927
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		58.444.305.862	50.412.007.979
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.497.975.702	3.797.573.115
7. Chi phí tài chính	22	6.4	156.989.040	513.723.890
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		27.012.248	402.820.664
8. Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	24		177.560.237	54.462.018
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	20.898.430.613	18.841.188.729
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	39.006.392.736	42.023.843.712
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		3.058.029.412	(7.114.713.219)
12. Thu nhập khác	31	6.6	4.485.548.354	4.956.519.588
13. Chi phí khác	32	6.6	2.478.894.302	57.755.557
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	2.006.654.052	4.898.764.031
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		5.064.683.464	(2.215.949.188)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	2.459.561.738	1.745.824.832
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.848.605.366	3.876.317.919
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		756.516.360	(7.838.091.939)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		(3.037.020.960)	(9.135.843.051)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.793.537.320	1.297.751.112
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(69)	(220)

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu/Phụ trách Kế toán

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Văn Tuấn



Phạm Nguyên Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2025	ngày 30/6/2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.064.683.464	(2.215.949.188)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		4.344.548.906	4.458.057.535
- Các khoản dự phòng	03		358.554.420	1.017.392.091
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(53.795.538)	(3.035.637)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.968.945.337)	(3.351.424.643)
- Chi phí lãi vay	06		27.012.248	402.820.664
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.772.058.163	307.860.822
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.371.587.054)	91.820.772.738
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.719.296.333	(38.736.039.447)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.186.970.368	(42.976.949.298)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(889.624.417)	(18.898.706)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(27.012.248)	(402.820.664)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.227.271.901)	(1.767.508.227)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(940.375.111)	(50.739.664)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.222.454.133	8.175.677.554
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(181.363.636)	(3.835.722.586)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		366.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(72.600.000.000)	(136.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		72.500.000.000	131.542.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.730.538.042	3.296.962.624
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.815.356.224	(5.496.259.962)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ cho vay	33		7.250.000.000	2.513.734.750
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.104.779.000)	(33.256.834.750)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.569.041.200)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.423.820.200)	(30.743.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		7.613.990.157	(28.063.682.408)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	101.678.180.741	106.526.049.577
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8.666.149	3.035.637
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	109.300.837.047	78.465.402.806

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu/Phụ trách Kế toán



Vũ Văn Tuấn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam tiền thân Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 23/11/1995.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 010103351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/02/2007, đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thay đổi các lần và lần thứ 07 ngày 29/3/2023.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 29/3/2023 là: 438.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng*).

Trụ sở chính: Số 15 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, phường Kim Liên, TP. Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán VEC.

Số lao động của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 30/6/2025 là 394 người (Tại ngày 31/12/2024 là 407 người)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ: Lắp đặt thiết bị trong lĩnh vực điện tử và cho thuê văn phòng.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các đơn vị phụ thuộc và các Công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

Đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	Số 118 Cát Bi, phường Hải An, TP. Hải Phòng	Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và thấp hơn trong lĩnh vực điện tử, tin học và các lĩnh vực khác được Nhà nước cho phép.		
Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính		
Công ty Con				
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	15C Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	97,01%	97,01%
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	204 Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán sản phẩm điện, điện tử	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	55,54%	55,54%
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	52-54 Nguyễn Huệ, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Tầng 5, tòa nhà Sudico, phường Từ Liêm, TP. Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	70,97%	65,00%
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, phường Kim Liên, TP. Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	92,47%	91,86%
Công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông	18 Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội	Sản xuất, mua bán chương trình đào tạo, phần mềm máy tính	35,70%	35,70%
Công ty Cổ phần Viettronimex	74 - 76 Nguyễn Huệ, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	42,16%	42,16%
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	1026B Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	33,77%	33,77%
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	26 Lý Tự Trọng, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	28,52%	28,52%
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec (*)	48BT3 Khu biệt thự bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, TP. Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	49,00%	49,00%
Công ty TNHH DM Vina	Lô CN07, Khu công nghiệp Bình Xuyên II, xã Bình Tuyền, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất sản phẩm từ plastic	41,74%	41,74%

(*) Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị năm 2013.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kết thúc ngày 30/6/2025 của Công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, các Công ty con là Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức; Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa; Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình; Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa; Công ty Cổ phần Công trình Viettronics và Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	08 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình***Quyền sử dụng đất***

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư*****Bất động sản đầu tư cho thuê***

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc trên đất và được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Theo đó quyền sử dụng đất không tính khấu hao và thời gian hữu dụng ước tính của nhà cửa, vật kiến trúc là 25 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá trị của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá trị của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí khác bao gồm các loại chi phí trả trước phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc kế toán Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá, lắp đặt; doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Đối với doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn là tổng chi phí phát sinh của giá thành sản xuất của sản phẩm và giá vốn dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Tổng Công ty hoạt động chính của Công ty là lắp đặt thiết bị điện tử, dịch vụ và Tổng Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	7.364.823.102	1.128.836.118
Tiền gửi ngân hàng	26.861.513.945	32.989.512.564
Các khoản tương đương tiền (*)	75.074.500.000	67.559.832.059
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	75.074.500.000	67.559.832.059
Tổng	109.300.837.047	101.678.180.741

(*): Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới 3 tháng bằng VND với lãi suất từ 1,9% đến 4,75%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	126.905.000.000	126.905.000.000	126.305.000.000	126.305.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	126.905.000.000	126.905.000.000	126.305.000.000	126.305.000.000
Tổng	126.905.000.000	126.905.000.000	126.305.000.000	126.305.000.000

(*): Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng - 12 tháng tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 2,8% đến 4,7%/năm.

5.3 Phải thu của khách hàng

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	142.935.095.337	139.118.816.565
Công ty TNHH Đầu tư TM và XNK Khang Phúc	22.176.666.534	22.176.666.534
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	4.498.480.819	7.481.758.363
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc - CN Tổng Công ty truyền tải điện Quốc Gia	814.736.814	1.448.837.040
Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH - Ban Quản lý dự án Điện lực Miền Nam	7.686.601.601	4.628.502.810
Công ty Cổ phần AKA Việt Nam	20.713.690.714	23.203.643.706
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	-	7.525.961.877
Các khách hàng khác	87.044.918.855	72.653.446.235
Tổng	142.935.095.337	139.118.816.565

5.4 Trả trước cho người bán

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	35.280.015.920	37.879.934.634
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	4.854.351.000
Công ty CP kỹ thương O & C	3.444.375.576	-
Công ty CP Đầu tư và thương mại - HK	-	5.724.629.173
Công ty TNHH XPAD	4.854.351.000	10.491.048.027
Các đối tượng khác	22.126.938.344	16.809.906.434
Dài hạn	18.215.447.540	18.215.447.540
Công ty TNHH Một Thành Viên	18.215.447.540	18.215.447.540
Dịch vụ Công ích Quận 2 (*)	-	-
Tổng	53.495.463.460	56.095.382.174

(*) Khoản trả trước liên quan đến Hợp đồng nguyên tắc thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái - Cụm II (Giai đoạn 2) tại phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết về Hợp đồng nguyên tắc thuê đất liên quan đến khoản nợ tiềm tàng của Công ty, chi tiết tại Thuyết minh số 7.2.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.5 Phải thu về cho vay

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn	11.600.000.000	(450.000.000)	12.100.000.000	(450.000.000)
Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc (1)	8.700.000.000	-	9.200.000.000	-
Ông Nguyễn Anh Dũng	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	900.000.000	(450.000.000)	900.000.000	(450.000.000)
Tổng	11.600.000.000	(450.000.000)	12.100.000.000	(450.000.000)

*Trong đó Phải thu về cho vay
là các bên liên quan được
trình bày tại Thuyết minh 7.1*

9.600.000.000

10.100.000.000

(1) Khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn số 01/2024/HĐVV/VBH-VVPC và phụ lục hợp đồng số 03 ngày 05/01/2024 với Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc số tiền cho vay: 9.200.000.000 VND. Mục đích: Mua tài sản là nhà xưởng và công trình trên đất tại KCN Bình Xuyên 2, xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ. Lãi suất: 4,5%/năm. Thời hạn từ ngày 05/01/2024 đến ngày 27/6/2025. Phương thức đảm bảo: tài sản hình thành trong tương lai của vốn vay theo hợp đồng. Số dư phải thu về cho vay tại ngày 30/6/2025 là 8.700.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.6 Phải thu khác

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Ngắn hạn	43.525.857.549	(11.127.476.144)	39.202.311.107	(11.127.476.144)
Tạm ứng	13.885.090.058	-	14.981.947.979	-
Ký cược, ký quỹ	97.100.000	-	112.297.275	-
Phải thu cổ phần hóa	42.217.500	-	46.417.500	-
Phải thu khác	29.501.449.991	(11.127.476.144)	24.061.648.353	(11.127.476.144)
<i>Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh</i>	<i>2.107.997.573</i>	<i>(2.107.997.573)</i>	<i>2.107.997.573</i>	<i>(2.107.997.573)</i>
<i>Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long</i>	<i>2.570.029.600</i>	<i>(2.570.029.600)</i>	<i>2.570.029.600</i>	<i>(2.570.029.600)</i>
<i>Công ty TNHH Kiên Quang</i>	<i>2.200.000.000</i>	<i>(2.200.000.000)</i>	<i>2.200.000.000</i>	<i>(2.200.000.000)</i>
<i>Thu từ cán bộ công nhân viên tiền mua đất tại Long An</i>	<i>2.694.230.000</i>	<i>-</i>	<i>2.694.230.000</i>	<i>-</i>
<i>Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>1.888.631.782</i>	<i>-</i>	<i>4.305.288.769</i>	<i>-</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>18.040.561.036</i>	<i>(4.249.448.971)</i>	<i>10.184.102.411</i>	<i>(4.249.448.971)</i>
Dài hạn	135.745.200	-	135.745.200	-
Phải thu cổ phần hóa	111.745.200	-	96.245.200	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	24.000.000	-	39.500.000	-
Tổng	43.661.602.749	(11.127.476.144)	39.338.056.307	(11.127.476.144)

*Trong đó Phải thu khác là các bên liên quan trình bày
tại Thuyết minh 7.1*

859.491.948 230.496.948

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

Số 15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a- DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.7 Nợ xấu

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc
				Dự phòng
				Giá trị có thể thu hồi
Phải thu của khách hàng	25.240.704.401	(22.718.982.093)	2.521.722.308	25.273.039.284
<i>Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa</i>	<i>3.772.258.106</i>	<i>(3.772.258.106)</i>	-	<i>3.774.418.106</i>
Công ty TNHH Kiến Quang	2.671.677.540	(2.671.677.540)	-	(2.671.677.540)
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	668.107.020	(668.107.020)	-	(668.107.020)
Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long	97.369.095	(97.369.095)	-	(97.369.095)
Công ty Cổ phần TMDV Bình Minh	273.131.651	(273.131.651)	-	(273.131.651)
Ông Huỳnh Anh Hiệp	61.972.800	(61.972.800)	-	(64.132.800)
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	5.182.315.123	(4.985.815.123)	196.500.000	5.182.315.123
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn	3.249.190.948	(3.249.190.948)	-	(3.249.190.948)
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Bạch Việt	747.000.000	(747.000.000)	-	(747.000.000)
Các khách hàng khác	1.186.124.175	(989.624.175)	196.500.000	1.186.124.175
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	6.184.871.116	(3.976.391.897)	2.208.479.219	6.184.871.116
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	3.923.319.943	(3.923.319.943)	-	3.923.319.943
Các khách hàng khác	2.261.551.173	(53.071.954)	2.208.479.219	2.261.551.173
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	587.070.283	(587.070.283)	-	587.070.283
Công ty Liên doanh Golf Hà Nội	484.966.883	(484.966.883)	-	484.966.883
Công ty Phát triển Công nghệ & Thương mại Đồng Đa	102.103.400	(102.103.400)	-	102.103.400
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	1.103.481.107	(1.103.481.107)	-	1.103.481.107
Công ty Điện tử Công nghiệp CDC	455.085.690	(455.085.690)	-	455.085.690
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	484.501.900	(484.501.900)	-	484.501.900
Các khách hàng khác	163.893.517	(163.893.517)	-	163.893.517
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	1.795.133.355	(1.678.390.266)	116.743.089	1.825.308.238
Công ty TNHH Thương Mại - Xuất Nhập Khẩu Cường Nga	185.157.864	(68.414.775)	116.743.089	253.666.364
Các khách hàng khác	1.609.975.491	(1.609.975.491)	-	1.571.641.874
Văn phòng Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	6.615.575.311	(6.615.575.311)	-	6.615.575.311
Công ty Điện tử Công nghiệp	1.161.897.311	(1.161.897.311)	-	1.161.897.311
Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Phúc Thọ	2.800.000.000	(2.800.000.000)	-	2.800.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư Phát triển Đô thị	2.653.678.000	(2.653.678.000)	-	2.653.678.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.7 Nợ xấu (Tiếp theo)

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)		Giá trị có thể thu hồi
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Trả trước cho người bán	8.031.416.499	(7.179.067.580)	8.031.416.499	(7.179.067.580)	852.348.919
<i>Văn phòng Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam</i>	4.854.351.000	(4.854.351.000)	4.854.351.000	(4.854.351.000)	-
Công ty TNHH TMDV Ngân Thịnh	4.854.351.000	(4.854.351.000)	4.854.351.000	(4.854.351.000)	-
<i>Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức</i>	2.677.065.499	(1.824.716.580)	2.677.065.499	(1.824.716.580)	852.348.919
Foshan Runpeng Electronic Limited Company	1.803.716.580	(1.803.716.580)	1.803.716.580	(1.803.716.580)	-
Các khách hàng khác	873.348.919	(21.000.000)	873.348.919	(21.000.000)	852.348.919
<i>Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp</i>	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)	-
Công ty TNHH Thương mại và Quảng cáo Nhị Hà	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)	-
Các khoản Phải thu khác	11.952.772.485	(11.127.476.144)	12.070.849.581	(11.127.476.144)	943.373.437
<i>Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa</i>	6.719.188.518	(6.719.188.518)	6.719.188.518	(6.719.188.518)	-
Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long	2.570.029.600	(2.570.029.600)	2.570.029.600	(2.570.029.600)	-
Công ty TNHH Kiến Quang	2.200.000.000	(2.200.000.000)	2.200.000.000	(2.200.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	1.949.158.918	(1.949.158.918)	1.949.158.918	(1.949.158.918)	-
<i>Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp</i>	1.580.107.721	(1.204.811.380)	1.580.107.721	(1.204.811.380)	375.296.341
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	1.508.127.600	(1.132.831.259)	1.508.127.600	(1.132.831.259)	375.296.341
Các khách hàng khác	71.980.121	(71.980.121)	71.980.121	(71.980.121)	-
<i>Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình</i>	294.065.022	(294.065.022)	412.142.118	(294.065.022)	118.077.096
Các khách hàng khác	294.065.022	(294.065.022)	412.142.118	(294.065.022)	118.077.096
<i>Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức</i>	900.000.000	(450.000.000)	900.000.000	(450.000.000)	450.000.000
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	900.000.000	(450.000.000)	900.000.000	(450.000.000)	450.000.000
<i>Văn phòng Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam</i>	2.459.411.224	(2.459.411.224)	2.459.411.224	(2.459.411.224)	-
Công ty TNHH TMDV Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	2.107.997.573	(2.107.997.573)	-
Công ty Cổ phần Điện tử Hải Phòng	120.067.263	(120.067.263)	120.067.263	(120.067.263)	-
Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Phúc Thọ	231.346.388	(231.346.388)	231.346.388	(231.346.388)	-
Tổng	45.224.893.385	(41.025.525.817)	45.375.305.364	(40.649.843.823)	4.725.461.541

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	34.550.143.650	(2.454.662.762)	9.380.203.188	(2.500.797.586)
Công cụ và dụng cụ	240.708.380	(74.748.878)	170.845.168	(74.748.878)
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	34.590.289.524	(20.695.324)	34.699.986.422	(20.695.324)
Thành phẩm	19.464.684.840	(3.796.553.919)	27.879.030.574	(3.770.628.252)
Hàng hóa	2.918.443.474	(2.393.518.914)	22.353.500.849	(2.374.862.331)
Hàng gửi đi bán	708.937.313	-	708.937.313	-
Tổng	92.473.207.181	(8.740.179.797)	95.192.503.514	(8.741.732.371)

5.9 Chi phí trả trước

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	5.118.604.195	4.883.856.410
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.375.000	33.874.997
Chi phí sửa chữa	2.202.050.160	2.100.711.107
Chi phí thuê hoạt động trả trước	1.205.654.447	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.695.524.588	2.749.270.306
Dài hạn	7.282.010.157	6.627.133.525
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	341.297.656	87.029.833
Chi phí sửa chữa	568.417.221	887.912.755
Phí duy trì tên miền, web, chữ ký số, phí bản quyền phần mềm	-	2.014.500
Chi phí thuê văn phòng	-	3.224.121.229
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.372.295.280	2.426.055.208
Tổng	12.400.614.352	11.510.989.935

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2025	164.516.027.090	51.635.583.785	19.818.686.036	923.438.844	574.750.000	237.468.485.755
Tăng trong kỳ	-	132.000.000	-	49.363.636	-	181.363.636
Mua trong kỳ	-	132.000.000	-	49.363.636	-	181.363.636
Giảm trong kỳ	-	-	488.794.727	-	-	488.794.727
Thanh lý, nhượng bán	-	-	488.794.727	-	-	488.794.727
Số dư tại 30/06/2025	164.516.027.090	51.767.583.785	19.329.891.309	972.802.480	574.750.000	237.161.054.664
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2025	98.365.399.590	41.048.697.035	18.072.123.024	905.810.239	133.086.429	158.525.116.317
Tăng trong kỳ	2.319.926.020	1.093.834.759	154.983.155	4.412.842	39.296.874	3.612.453.650
Khấu hao trong kỳ	2.319.926.020	1.093.834.759	154.983.155	4.412.842	39.296.874	3.612.453.650
Giảm trong kỳ	-	-	488.794.727	-	-	488.794.727
Thanh lý, nhượng bán	-	-	488.794.727	-	-	488.794.727
Số dư tại 30/06/2025	100.685.325.610	42.142.531.794	17.738.311.452	910.223.081	172.383.303	161.648.775.240
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2025	66.150.627.500	10.586.886.750	1.746.563.012	17.628.605	441.663.571	78.943.369.438
Tại 30/06/2025	63.830.701.480	9.625.051.991	1.591.579.857	62.579.399	402.366.697	75.512.279.424

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 105.807.732.019 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 105.477.382.603 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2025	43.964.970.144	1.943.122.040	195.992.522	46.104.084.706
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2025	43.964.970.144	1.943.122.040	195.992.522	46.104.084.706
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2025	9.357.098.213	1.816.413.286	195.992.522	11.369.504.021
Tăng trong kỳ	304.500.276	19.341.750	-	323.842.026
Khấu hao trong kỳ	304.500.276	19.341.750	-	323.842.026
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2025	9.661.598.489	1.835.755.036	195.992.522	11.693.346.047
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2025	34.607.871.931	126.708.754	-	34.734.580.685
Tại 30/06/2025	34.303.371.655	107.367.004	-	34.410.738.659

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 1.965.448.281 VND (tại ngày 01/01/2025 là 1.965.448.281 VND).

5.12 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	41.120.042.125	-	-	41.120.042.125
- Quyền sử dụng đất	3.811.392.900	-	-	3.811.392.900
- Nhà cửa, vật kiến trúc	13.156.179.820	-	-	13.156.179.820
- Nhà và quyền sử dụng đất	18.716.065.486	-	-	18.716.065.486
- Cơ sở hạ tầng	5.436.403.919	-	-	5.436.403.919
Giá trị hao mòn lũy kế	31.503.591.588	408.253.230	-	31.911.844.818
- Quyền sử dụng đất	2.110.572.764	29.408.994	-	2.139.981.758
- Nhà cửa, vật kiến trúc	8.756.371.915	87.996.162	-	8.844.368.077
- Nhà và quyền sử dụng đất	18.275.713.256	122.225.820	-	18.397.939.076
- Cơ sở hạ tầng	2.360.933.653	168.622.254	-	2.529.555.907
Giá trị còn lại	9.616.450.537	(408.253.230)	-	9.208.197.307
- Quyền sử dụng đất	1.700.820.136	(29.408.994)	-	1.671.411.142
- Nhà cửa, vật kiến trúc	4.399.807.905	(87.996.162)	-	4.311.811.743
- Nhà và quyền sử dụng đất	440.352.230	(122.225.820)	-	318.126.410
- Cơ sở hạ tầng	3.075.470.266	(168.622.254)	-	2.906.848.012

Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 16.284.367.517 VND (tại ngày 01/01/2025 là 16.284.367.517 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tại ngày 30/06/2025, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Tổng Công ty do chưa có nhu cầu chuyển đổi hay thanh lý bất động sản đầu tư đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công trình Trụ sở Tổng Công ty tại Cầu Giấy, Hà Nội	4.895.984.545	4.895.984.545
Công trình tại Trường Cao đẳng Viettronics	621.809.578	621.809.578
Công trình VTB Green Building tại 06 Phạm Văn Hai, Tân Bình (*)	9.330.512.273	9.330.512.273
Các dự án khác	3.629.414.546	3.629.414.546
Tổng	18.477.720.942	18.477.720.942

(*) Tính đến thời điểm 30/6/2025, Công trình VTB Green Building tại số 06 Phạm Văn Hai, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh (trước là 06 Phạm Văn Hai, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh) đang trong thời gian giải quyết các vấn đề pháp lý, Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện công trình. Đồng thời, Hội đồng Quản trị Công ty Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình – Công ty con của Tổng Công ty đã ban hành Quyết định số 51/2024/NQ-VTB-HDQT ngày 11/10/2024 về việc tiếp tục thực hiện các phần việc của dự án tại Khu đất nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.14 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		98.157.568.728	69.483.972.230		98.157.568.728	69.306.411.992
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông	35,70%	21.684.417.517	26.922.550.462		21.684.417.517	26.922.550.462
Công ty Cổ phần Viettronimex	42,16%	13.987.729.333	14.688.139.478		13.987.729.333	14.688.139.478
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	33,77%	2.278.518.130	2.891.776.449		2.278.518.130	2.891.776.448
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	28,52%	895.348.195	948.017.451		895.348.195	948.017.451
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec	49,00%	1.276.595.137	-		1.276.595.137	-
Công ty TNHH DM Vina	41,74%	38.846.960.416	6.287.011.834		38.846.960.416	6.287.011.834
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh (*)	30,00%	510.000.000	-		510.000.000	-
Công ty Cổ phần Belco Hà Nội (*)	38,00%	1.178.000.000	-		1.178.000.000	-
Công ty Cổ phần Viettronics Vinh Phúc (*)	43,75%	17.500.000.000	17.746.476.556		17.500.000.000	17.568.916.319
Tổng		98.157.568.728	69.483.972.230		98.157.568.728	69.306.411.992

	30/6/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		1.800.000.000	(1.800.000.000)		1.800.000.000	(1.800.000.000)
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	36,00%	1.800.000.000	(1.800.000.000)		1.800.000.000	(1.800.000.000)
Tổng		1.800.000.000	(1.800.000.000)		1.800.000.000	(1.800.000.000)

(*): Đây là các khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại các Công ty con của Tổng Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.15 Phải trả người bán

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	56.485.562.764	56.485.562.764	53.859.947.294	53.859.947.294
Công ty Cổ phần YOTEK	-	-	433.947.240	433.947.240
Công ty CP đầu tư và thương mại - HK	14.430.087.961	14.430.087.961	-	-
Công ty Cổ phần tiết kiệm năng lượng ESE CORP	6.091.063.662	6.091.063.662	6.091.063.662	6.091.063.662
Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị điện Đông Anh	7.579.171.121	7.579.171.121	7.579.171.121	7.579.171.121
Công ty Cổ phần MEDITRONIC	4.534.830.000	4.534.830.000	4.534.830.000	4.534.830.000
Các đối tượng khác	23.850.410.020	23.850.410.020	35.220.935.271	35.220.935.271
Tổng	56.485.562.764	56.485.562.764	53.859.947.294	53.859.947.294

5.16 Người mua trả tiền trước

	30/06/2025		01/01/2025	
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	23.464.328.180	21.367.886.258		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật năng lượng Tâm Thành Phát	10.705.150.977	10.705.150.977		
Ban quản lý dự án Điện 1 - CN Tập đoàn điện lực Việt Nam	6.939.617.000	-		
Các khách hàng khác	5.819.560.203	10.662.735.281		
Tổng	23.464.328.180	21.367.886.258		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.17 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	Số phải nộp		Số đã nộp		Đơn vị tính: VND
	01/01/2025	trong kỳ	trong kỳ	30/06/2025	
a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.491.646.859	31.970.709.584	24.829.050.685	9.633.305.758	
Thuế giá trị gia tăng	1.243.209.344	8.412.697.813	6.963.916.031	2.691.991.126	
Thuế XNK	-	162.399.727	162.399.727	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.046.254.336	2.240.375.103	2.117.343.330	1.169.286.109	
Thuế thu nhập cá nhân	77.537.113	495.488.395	486.362.188	86.663.320	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	124.646.066	20.305.247.852	14.744.528.715	5.685.365.203	
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	347.500.694	347.500.694	-	
Tổng	2.491.646.859	31.970.709.584	24.829.050.685	9.633.305.758	

	Số phải nộp		Số đã nộp		Đơn vị tính: VND
	01/01/2025	trong kỳ	trong kỳ	30/06/2025	
b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	688.766.191	273.706.635	205.768.857	620.828.413	
Thuế giá trị gia tăng	15.667.895	-	33.805.908	49.473.803	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	631.609.901	219.186.635	109.928.571	522.351.837	
Thuế thu nhập cá nhân	41.488.395	54.520.000	14.520.000	1.488.395	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	47.514.378	47.514.378	
Tổng	688.766.191	273.706.635	205.768.857	620.828.413	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Chi phí phải trả

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	4.688.815.570	4.078.591.776
Trích trước tiền thuê đất	601.099.492	601.099.492
Chi phí hỗ trợ quảng cáo nhà phân phối khu vực phía Nam	473.239.250	291.920.064
Chi phí vận chuyển lắp đặt	706.325.852	631.099.224
Chi phí bán hàng	-	2.116.153.659
Chi phí phải trả khác	2.908.150.976	438.319.337
Dài hạn	14.941.127.345	12.962.237.505
Trích chi phí thuê đất KCN Cát Lái	4.741.127.345	4.462.237.505
Chi phí phải trả khác	10.200.000.000	8.500.000.000
Tổng	19.629.942.915	17.040.829.281

5.19 Phải trả khác

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	11.846.982.123	13.583.546.719
Kinh phí công đoàn	325.532.408	330.716.953
Bảo hiểm xã hội	-	13.424.895
Phải trả cổ phần hóa	25.927.500	25.927.500
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.793.736.150	3.600.956.150
Các khoản phải trả phải nộp khác	7.701.786.065	9.612.521.221
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>6.185.678.500</i>	<i>7.094.895.700</i>
<i>CBCNV ứng tiền mua đất tại Long An</i>	<i>1.302.400.000</i>	<i>1.302.400.000</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>213.707.565</i>	<i>1.215.225.521</i>
Dài hạn	38.446.194.041	37.396.424.091
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	38.396.194.041	37.396.424.091
Các khoản phải trả phải nộp khác	50.000.000	-
Tổng	50.293.176.164	50.979.970.810

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn	665.000.000	665.000.000	7.250.000.000	10.104.779.000	3.519.779.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Định	-	-	7.250.000.000	10.104.779.000	2.854.779.000
Ông Nguyễn Khang Trang (1)	317.000.000	317.000.000	-	-	317.000.000
Ông Nguyễn Đức Tường(1)	148.000.000	148.000.000	-	-	148.000.000
Các đối tượng khác (1)	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000
Tổng	665.000.000	665.000.000	7.250.000.000	10.104.779.000	3.519.779.000

(1) Các khoản vay cá nhân theo các hợp đồng vay, thời hạn vay dưới 12 tháng, lãi suất 0%/năm - 5%/năm, tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.21 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	438.000.000.000	(13.064.952.951)	(19.974.146.692)	54.491.808.762	26.619.705	(31.834.634.819)	133.493.674.434	561.138.368.439
Lãi/Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(6.273.636.128)	6.606.486.643	332.850.515
Chia cổ tức tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	(5.204.604.000)	(5.204.604.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển tại Công ty con	-	-	-	(1.256.940.312)	-	-	(38.738.932)	(1.295.679.244)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.033.467.695)	(880.403.466)	(1.913.871.161)
Trích thường Ban điều hành, thù lao HĐQT (Công ty con)	-	-	-	-	-	(134.311.620)	(115.688.380)	(250.000.000)
Tặng/giảm khác	-	-	-	2	-	(2.257.744.998)	167.850.097	(2.089.894.899)
Số dư tại 31/12/2024	438.000.000.000	(13.064.952.951)	(19.974.146.692)	53.234.868.452	26.619.705	(41.533.795.260)	134.028.576.396	550.717.169.650
Số dư tại 01/01/2025	438.000.000.000	(13.064.952.951)	(19.974.146.692)	53.234.868.452	26.619.705	(41.533.795.260)	134.028.576.396	550.717.169.650
Lãi/Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(3.037.020.960)	3.793.537.320	756.516.360
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Công ty con)	-	-	-	-	-	(875.034.043)	(724.965.957)	(1.600.000.000)
Trích thường Ban điều hành, thù lao HĐQT (Công ty con)	-	-	-	-	-	(124.111.620)	(105.888.380)	(230.000.000)
Chi trả cổ tức (Công ty con)	-	-	-	-	-	-	(1.659.824.000)	(1.659.824.000)
Tặng/giảm khác	-	4.222	-	-	-	(1.321.887)	(1.686.021)	(3.003.686)
Số dư tại 30/06/2025	438.000.000.000	(13.064.948.729)	(19.974.146.692)	53.234.868.452	26.619.705	(45.571.283.770)	135.329.749.358	547.980.858.324

5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	385.297.500.000	385.297.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	52.702.500.000	52.702.500.000
Tổng	438.000.000.000	438.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.800.000	43.800.000
Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.800.000	43.800.000
Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.22 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**Ngoại tệ**

	30/06/2025	01/01/2025
USD	92.469,73	92.469,73
EUR	485,99	485,99

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	161.518.368.760	113.666.889.290
Tổng	161.518.368.760	113.666.889.290
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	86.895.501	58.962.384
Giảm giá hàng bán	23.454.546	-
Tổng	110.350.047	58.962.384
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	161.408.018.713	113.607.926.906
Tổng	161.408.018.713	113.607.926.906

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND (Trình bày lại)
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.965.265.425	63.195.918.927
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(1.552.574)	-
Tổng	102.963.712.851	63.195.918.927

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.191.935.434	3.296.962.624
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	53.795.538	311.735.491
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	18.976.882	-
Doanh thu tài chính khác	1.233.267.848	188.875.000
Tổng	4.497.975.702	3.797.573.115

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí lãi vay	27.012.248	402.820.664
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	13.252.560
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	129.976.792	97.650.666
Tổng	156.989.040	513.723.890

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND (Trình bày lại)
Chi phí bán hàng	20.898.430.613	18.841.188.729
Chi phí nhân viên	5.622.808.689	5.490.927.532
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	66.601.079	407.100.805
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	364.406.995	2.804.169.725
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.702.506.875	-
Chi phí bảo hành	574.447.103	356.652.471
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.761.112.739	1.281.062.088
Chi phí bằng tiền khác	9.806.547.133	8.501.276.108
Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.006.392.736	42.023.843.712
Chi phí nhân viên	19.195.927.978	19.512.331.489
Chi phí vật liệu quản lý	190.192.381	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	281.253.356	607.329.295
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.117.827.264	1.433.553.533
Thuế phí và lệ phí	5.611.054.151	5.752.231.713
Chi phí dự phòng	375.681.994	287.531.444
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.301.424.402	2.651.755.598
Chi phí bằng tiền khác	8.933.031.210	11.779.110.640
Tổng	59.904.823.349	60.865.032.441

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Thu nhập khác		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	217.263.699	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	366.181.818	-
Thu tiền bồi thường	2.106.334.980	3.181.818.181
Các khoản khác	1.795.767.857	1.774.701.407
Tổng	4.485.548.354	4.956.519.588
Chi phí khác		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	122.210.055	11.690.466
Xuất hàng tồn kho trả bảo hiểm tiền bồi thường	2.270.692.402	-
Chi phí khác	85.991.845	46.065.091
Tổng	2.478.894.302	57.755.557
Lợi nhuận khác	2.006.654.052	4.898.764.031

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.459.561.738	1.745.824.832
Tổng	2.459.561.738	1.745.824.832

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND (Trình bày lại)
Lỗ sau thuế Công ty mẹ thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	(3.037.020.960)	(9.135.843.051)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(499.572.832)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(437.517.022)
Trích thù lao HĐQT và BKS	-	(62.055.810)
Lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(3.037.020.960)	(9.635.415.883)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (CP)	43.800.000	43.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(69)	(220)

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

(i) Tại ngày Báo cáo, Tổng Công ty và các Công ty con chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng người quản lý. Nếu Tổng Công ty và các Công ty con trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông Công ty mẹ và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tổng Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty con là Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình và Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được trừ đi 1/2 số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và được trình bày lại như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 (Trình bày lại)	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 (Đã trình bày)	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.135.843.051)	(9.135.843.051)	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(499.572.832)	-	(499.572.832)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(437.517.022)	-	(437.517.022)
Trích thù lao HĐQT và BKS	(62.055.810)	-	(62.055.810)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.635.415.883)	(9.135.843.051)	(499.572.832)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	43.800.000	43.800.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(220)	(209)	(11)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.386.105.036	71.903.910.513
Chi phí nhân công	33.820.131.462	31.683.503.148
Chi phí khấu hao	4.344.548.906	3.856.414.072
Chi phí dự phòng	358.554.420	406.877.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.944.197.233	9.052.110.851
Chi phí khác bằng tiền	31.906.854.819	29.291.795.329
Tổng	162.760.391.876	146.194.611.279

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao	Công ty liên kết
Công ty TNHH DM Vina	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức 1	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Người quản lý khác	Lương và thù lao	1.183.772.572	1.071.030.000

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Vũ Hải Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	192.318.000	181.880.000
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên HĐQT	18.000.000	166.420.000
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Chủ tịch HĐQT	185.898.000	175.880.000
Ông Phạm Nguyên Anh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	175.512.000	166.870.000
Ông Giáp Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 30/12/2024)	159.566.000	-
Ông Văn Việt Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 30/12/2024)	48.000.000	-
Bà Vũ Hoài Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	174.752.000	165.670.000
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên Ban Kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Ông Phạm Trung Hoàng	Thành viên Ban Kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng (Đến ngày 09/4/2025); Thành viên HĐQT (Từ ngày 10/4/2025)	169.726.572	154.310.000
Tổng		1.183.772.572	1.071.030.000

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu về cho vay		9.600.000.000	10.100.000.000
Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	Công ty liên kết	8.700.000.000	9.200.000.000
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	Công ty liên kết	900.000.000	900.000.000
Phải thu khác		859.491.948	230.496.948
Công ty TNHH DM Vina	Công ty liên kết	230.496.948	230.496.948
Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết	543.445.000	-
Công ty Cổ phần máy tính Việt Nam	Công ty liên kết	85.550.000	-

7.2 Các khoản công nợ tiềm tàng

Tại Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình có khoản công nợ tiềm tàng: Công ty đã thực hiện ký Hợp đồng nguyên tắc số 08/HĐNT-PTN-KCN ngày 13/10/2025 với Công ty Quản lý nhà & Phát triển Nhà Quận 2 Tp. Hồ Chí Minh (nay là Công ty TNHH Dịch vụ Công ích Quận 2) về việc thuê và cho thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái – Cụm II (Giai đoạn 2), Quận 2 – Tp. Hồ Chí Minh. Cho đến thời điểm 30/6/2025, Công ty đã thanh toán số tiền là 18.215.447.540 VND tương ứng với 1.228.800 USD (theo Hợp đồng nguyên tắc), đồng thời theo dõi trên số dư khoản mục “Trả trước cho người bán dài hạn”. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các bên chưa thực hiện ký hợp đồng thuê đất chính thức. Do vậy, số tiền thuê đất có thể thay đổi khi chính thức ký Hợp đồng.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán UHY.

Tại Công ty con - Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình, Ban Tổng Giám đốc quyết định trình bày phân loại lại một số thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ để đảm bảo số liệu kỳ này phù hợp và có thể so sánh được với số liệu kỳ trước.

Theo đó số liệu trên Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 của Tổng Công ty được trình bày lại như sau:

	Mã số	Số đã trình bày kỳ trước VND	Số trình bày lại VND	Phân loại lại VND
Giá vốn hàng bán	25	56.598.751.682	63.195.918.927	6.597.167.245
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	35.885.828.351	29.288.661.106	(6.597.167.245)
Chi phí bán hàng	26	25.438.355.974	18.841.188.729	(6.597.167.245)

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu/Phụ trách Kế toán

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Văn Tuấn



Phạm Nguyên Anh

